TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **108**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19 -7-2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Sương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Lương Khoa

2. Ông Nguyễn Văn Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diến- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trịnh Thị S**, sinh năm: 1972

Nơi cư trú: Ấp M, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông **Trịnh Xuân T**, sinh năm: 1965

ĐKTT: Ấp M, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trịnh Thị S trình bày: Bà và ông Trịnh Xuân T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990 tại xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống vợ chồng sống không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp; ông T hay ghen tuông vô cớ, chửi bới, đánh đập và nhục mạ bà. Do không chịu đựng được nên năm 2018 bà không còn chung sống với ông T nữa, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay bà không còn tình cảm gì với ông T nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: ông bà có 03 con chung là cháu tên Trịnh Thị T2, sinh năm: 1991; Trịnh Thị Thanh T1, sinh năm: 1995 và Trịnh Anh X, sinh năm 2003. Hiện

nay các con đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung; nợ chung: Không có nên bà không yêu cầu.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trịnh Xuân T đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, còn bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Bà Trịnh Thị S và ông Trịnh Xuân T không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, do dó, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận vợ chồng đối với bà Sáng và ông T.

Về con chung: Hiện 03 con chung Trịnh Thị T2, sinh năm: 1991; Trịnh Thị Thanh T1, sinh năm: 1995 và Trịnh Anh X, sinh năm 2003 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Thủ tục tố tụng: Bà Trịnh Thị S có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; ông Trịnh Xuân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà Trịnh Thị S, ông Trịnh Xuân T là phù hợp.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Trịnh Thị Sáng nhận thấy: Bà Sáng trình bày bà và ông Trịnh Xuân T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990 tại xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng sống không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp; ông T hay ghen tuông vô cớ, chửi bới, đánh đập và nhục mạ bà. Do không chịu đựng được nên năm 2018 bà không còn chung sống với ông T nữa, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Nay bà không còn tình cảm gì với ông T nên yêu cầu được ly hôn với ông T. Xét thấy, tại Đơn xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 28/02/2022 của bà, Ban Ấp 1 và UBND xã Xuân Hưng xác nhận việc bà Trịnh Thị Sáng và ông Trịnh Xuân T chung sống với nhau tại địa phường từ trước tới nay nhưng không có đăng ký kết hôn"; Qua các tài liệu, chứng cứ thể hiện bà Sáng, ông T có 03 người con chung là Trịnh Thị T2, sinh năm: 1991; Trịnh Thị Thanh T1, sinh năm: 1995 và Trịnh Anh X, sinh năm 2003. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định bà Sáng, ông T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Ông T, bà Sáng có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 14 của luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Sáng và ông T là phù hợp quy định tại Điều 53

của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Hiện 03 con chung của bà S và ông T là Trịnh Thị T2, sinh năm: 1991; Trịnh Thị Thanh T1, sinh năm: 1995 và Trịnh Anh X, sinh năm 2003 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, bà Sáng không yêu cầu gì, ông T vắng mặt không có lời khai nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà S trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông T vắng mặt không có lời khai nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà S phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, quy định pháp luật; phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ Điều 14, Điều 53 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ giữa bà Trịnh Thị S và ông Trịnh Xuân T là vợ chồng.

Về con chung: Chị Trịnh Thị T2, sinh năm: 1991; Chị Trịnh Thị Thanh T1, sinh năm: 1995 và anh Trịnh Anh X, sinh năm 2003 đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, nên không xem xét giải quyết.

2. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Bà Trịnh Thị S phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* bà Sáng đã nộp theo biên lai thu số 0006239 ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Trịnh Thị S, ông Trịnh Xuân T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND phường, xã, thị trấn;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Sương